

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố C.

Bị đơn: Anh **Lương Trí D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Lương Trí D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Lương Trí D có 01 người con chung tên Lương Bảo N, sinh ngày 01/4/2018. Hai bên thỏa thuận giao con chung tên Lương Bảo N cho chị Nguyễn Thị Cẩm N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lương Trí D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2024.

Anh Lương Trí D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được

quyền cấm cản.

Đối với việc nuôi con chung nếu bên có nghĩa vụ giao con không thực hiện việc giao con thì chị Nguyễn Thị Cẩm N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh K cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Hai bên trình bày không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), án phí cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), tổng cộng 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện nộp hết và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001614 ngày 12/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát Tp. Hà Tiên;
- UBND xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh
Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng